

ĐỔI MỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ KINH TẾ NHẪM PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM: THÀNH TỰU, THÁCH THỨC

Hồ Xuân Thắng*

Phát triển kinh tế bền vững được hiểu là một quá trình bao gồm không chỉ các mục tiêu về tăng trưởng kinh tế, mà còn có cả các mục tiêu nâng cao phúc lợi xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Bài viết này đánh giá những thành tựu, thách thức trong đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế nhằm góp phần tăng trưởng kinh tế cao, đảm bảo công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

1. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế bền vững trên thế giới

Khi bàn đến vấn đề phát triển nhanh và bền vững, Ủy ban Liên Hợp quốc về Môi trường và Phát triển đã đưa ra khái niệm có tính khoa học của nó như sau: *“Phát triển nhanh và bền vững là sự phát triển nhằm đáp ứng những nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng những nhu cầu của các thế hệ tương lai”* Đây là định nghĩa được áp dụng toàn cầu, làm chuẩn mực xử sự thống nhất chung cho các quốc gia, qua đó, các nước sẽ tự vạch ra đường lối, chiến lược phát triển cụ thể.

Quan điểm về phát triển bền vững được hình thành qua một khoảng thời gian tương đối dài trong quá trình hình thành và phát triển toàn diện của thế giới, xuất phát từ yêu cầu giải quyết những vấn đề mà các quốc gia gặp phải trong tiến trình phát triển riêng biệt của mình. Trước đây, trong quan niệm về phát triển của các quốc gia công nghiệp, vấn

đề tăng trưởng kinh tế được thể hiện chủ yếu qua chỉ tiêu GDP luôn được coi trọng. Quan niệm này cũng được coi là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình phát triển tại các nước công nghiệp mới trong những năm 50 và 60 của thế kỷ trước, khi mà các nước này bắt đầu bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm mục đích tiến kịp các nước phát triển. Sau một thời gian, các hậu quả về mặt xã hội và môi trường bắt đầu xuất hiện. Tại nhiều quốc gia trên thế giới, tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng không những không giảm đi mà còn có xu hướng tăng lên, dẫn đến các áp lực chính trị ngày càng lớn, nguy cơ xung đột cao, bất ổn định xã hội ngày càng gia tăng.

Trước tình hình đó, một loạt công trình nghiên cứu về phát triển nói chung và phát triển bền vững nói riêng đã ra đời. Các công trình này đều chú ý tới yêu cầu phải phân phối thu nhập sao cho công bằng hơn và phải giảm thiểu sự nghèo đói. Mục tiêu phát triển của các quốc gia cũng được điều chỉnh, đặc biệt các mục tiêu tăng trưởng kinh tế đã gắn liền với các mục tiêu đảm bảo sự công bằng xã hội, dần dần xóa bỏ khoảng cách giàu nghèo. Không những thế, vào đầu những năm 80 của thế kỷ 20, khi môi trường bị hủy hoại với mức độ báo động nghiêm trọng và có nhiều dấu hiệu cho thấy sự xuống cấp của môi trường gây ra những trở ngại cho quá trình tăng trưởng kinh tế. Cho nên, chủ đề bảo vệ môi trường đã trở thành mục tiêu thứ ba của chính sách phát triển bền vững toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

* Hồ Xuân Thắng, Tiến sĩ, Trưởng Khoa Luật, Trường Đại học Sài Gòn.

Chính vì vậy, khái niệm phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay chắc chắn phải bao hàm ba bộ phận chính yếu có mối quan hệ tương hỗ với nhau, đó là: tăng trưởng kinh tế, đảm bảo công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Cụ thể, tính bền vững của từng bộ phận thể hiện ở những điểm sau đây:

✓ Tính bền vững về kinh tế: thể hiện ở sự tăng trưởng và sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế, đáp ứng được yêu cầu nâng cao đời sống của nhân dân, tránh được sự suy thoái hoặc trì trệ trong tương lai, nhất là tình trạng nợ nần chồng chất mà nhiều nước hiện nay đang mắc phải.

✓ Tính bền vững về xã hội: thể hiện ở việc giảm đói nghèo, đảm bảo công bằng xã hội, đảm bảo cho đại đa số người dân được hưởng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, được tiếp cận với giáo dục, duy trì sự ổn định về an ninh, nâng cao mức hưởng thụ của người dân về văn hóa, tinh thần...; và

✓ Tính bền vững về môi trường: thể hiện ở việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn được sự đa dạng sinh học, hạn chế ô nhiễm môi trường, từng bước cải thiện môi trường sinh thái...

2. Thành tựu trong đổi mới pháp luật về kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển bền vững ở Việt Nam

Phát triển kinh tế bền vững cũng là kim chỉ nam trong quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam. Phát triển, suy cho cùng là nhằm nâng cao phúc lợi của con người cả về vật chất lẫn tinh thần. Chỉ có phát triển bền vững trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa ba lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường, trong đó phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn hiện nay, thì mới có thể đạt được mục tiêu cao nhất “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*” mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Trong quá trình phát triển kinh tế, hệ thống pháp luật về kinh tế luôn ở ranh giới chủ đạo và đóng một vai trò vô cùng to lớn. Nhận thức được tầm quan trọng này, từ cuối những năm 1980 đến nay, cụ thể là từ khi nước ta thực hiện chính sách đổi mới kinh tế (1986), việc không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt là hệ thống pháp luật về kinh tế, luôn là mối quan tâm hàng đầu, thường xuyên của Đảng và Nhà nước ta. Đó là một minh chứng thể hiện sự đổi mới và sáng tạo trong hoạt động điều hành, lãnh đạo đất nước của Đảng. Tại Đại hội toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta vẫn tiếp tục khẳng định nước ta phải tiếp tục “*đổi mới và hoàn thiện khung pháp lý, tháo gỡ mọi trở ngại về cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính để phát huy tối đa mọi nguồn lực, tạo sức bật mới cho sản xuất, kinh doanh của mọi thành phần kinh tế với các hình thức sở hữu khác nhau*”¹

Chủ trương trên của Đảng đã được Nhà nước cụ thể hóa thông qua những hoạt động liên quan đến việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Trước tiên, Nhà nước đặc biệt quan tâm đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế cả về số lượng văn bản cũng như nội dung các quy định, chế tài. Những sửa đổi cơ bản về chế độ kinh tế và các quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp 1992 (sửa đổi bổ sung năm 2001) và sự ra đời của Bộ Luật dân sự (được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 28 tháng 10 năm 1995 và được sửa đổi, bổ sung năm 2005), trong đó, quy định hợp đồng kinh tế được thay thế bằng hợp đồng dân sự, đã trở thành nền tảng cơ bản để phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ngoài hai văn bản luật nói trên, các văn bản pháp

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, trang 188.

luật quan trọng khác như Luật Doanh nghiệp Nhà nước 2003, Luật Doanh nghiệp 2005, Bộ Luật Hàng hải, Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Luật Hợp tác xã năm 2003, Luật Đầu tư 2005 (đã gộp Luật Đầu tư trong nước 2003 và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam làm một) để thể hiện sự thống nhất chung trong pháp luật đầu tư, nhằm tạo ra sự bình đẳng giữa nhà đầu tư Việt Nam và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Luật Đất đai, Luật Dầu khí, Luật Khoáng sản, Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Bộ luật lao động, Luật Hải quan, các Luật thuế, Luật Xây dựng, Luật Phá sản, Luật Cạnh tranh, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp v.v.... Một trong những nỗ lực lớn trong cải cách khung pháp lý về kinh tế là nước ta đã trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11 tháng 1 năm 2007 sau gần 11 năm đàm phán. Trong năm 2010, Chính phủ đã trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội 16 dự án luật, pháp lệnh, chưa kể đến một số luật được sửa đổi bổ sung để phù hợp hơn với sự phát triển kinh tế văn hoá - xã hội của nước ta.

Nhìn chung, hệ thống pháp luật về kinh tế ngày càng phân định rõ chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, khuyến khích mọi thành phần kinh tế là tổ chức, cá nhân đầu tư vào hoạt động kinh doanh, thương mại và thật sự khẳng định nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm.

Trong lĩnh vực kinh tế, Luật Doanh nghiệp 2005 đóng một vai trò hết sức quan trọng. Sự thông thoáng của Luật này đã góp phần làm gia tăng nhanh chóng số lượng doanh nghiệp mới thành lập thuộc khu vực tư nhân. Mỗi năm có hàng trăm nghìn doanh

niệp đăng ký thành lập và hoạt động tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số tỉnh thành khác, trong đó, đã có nhiều điển hình doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, được nhận giải thưởng Sao đỏ, Sao vàng đất Việt. Điểm đáng chú ý là các quy định cụ thể trong việc chuyển đổi các loại hình doanh nghiệp của Luật Doanh nghiệp 2005 đã tiếp tục “cởi trói” cho các doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp nhà nước chiếm sở hữu toàn bộ tài sản, vốn điều lệ có thêm điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của mình. Ngoài ra, Luật Hợp tác xã (sửa đổi) đã tạo thêm điều kiện pháp lý cho các hợp tác xã hoạt động theo mô hình mới và tham gia tích cực hơn vào các hoạt động kinh tế thông qua việc cho phép các hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp. Các luật thuế được sửa đổi theo hướng giảm bớt thuế suất, tăng thêm ưu đãi và thuận lợi kinh doanh sinh lời cho doanh nghiệp. Tất cả những quy định này tạo ra một môi trường thông thoáng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp và các nhà đầu tư hoạt động một cách hiệu quả.

Việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành, tiến tới xây dựng bộ Luật Môi trường sửa đổi. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã kiến nghị Chính phủ cho phép đánh giá tác động của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 để ban hành bộ Luật về môi trường mới, rộng hơn, cụ thể hơn và khả thi hơn vào thời gian sớm nhất. Vấn đề đặt ra ở đây là, cần bổ sung, hoàn thiện các quy định và cơ chế quản lý về bảo vệ môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, cụm công nghiệp, làng nghề, các lưu vực sông, môi trường nông thôn, miền núi, biển và hải đảo. Hỗ trợ cho công tác bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả, ngày 31/12/2009, Thủ tướng Chính phủ đã ký Nghị định số 117/2009/NĐ-CP về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/3/2010 và thay thế Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Nghị định quy định hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền và thủ tục xử phạt... Ở tầm chiến lược, nếu an ninh môi trường không được xử lý thỏa đáng sẽ gây tác động tiêu cực đến mọi mặt kinh tế xã hội của đất nước. Vì thế, ngày 15/2/1993 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh về Bảo vệ và Kiểm dịch Thực vật và được sửa đổi ngày 25/7/2002. Nếu không quản lý tốt các hoạt động xuất nhập khẩu các loại động vật hoang dã thì nguồn tài nguyên của đất nước sẽ cạn kiệt do khai thác bừa bãi dẫn đến việc làm tổn hại môi trường sống của xã hội con người. Nghị định 11/2002/NĐ-CP ngày 22/1/2002 của Chính phủ ra đời quy định rõ việc quản lý các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các loài động vật, thực vật hoang dã. Như vậy, nguồn tài nguyên từ động vật quý hiếm đã được quản lý chặt chẽ bảo đảm cân đối môi trường trong xã hội.

Bên cạnh đó Pháp lệnh 12/2003/PL-UBTVQH11 về vệ sinh, an toàn thực phẩm (ban hành ngày 26/7/2003), có hiệu lực từ ngày 1/11/2003 đã làm tăng thêm các quy định của nhà nước liên quan đến vấn đề bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Về vấn đề đảm bảo công bằng an sinh xã hội, Ngày 7/9/2009, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 38-CT/TW về “Đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế (BHYT) trong tình hình mới”, khẳng định BHYT là một chính sách xã hội quan trọng, mang ý nghĩa nhân đạo và có tính cộng đồng sâu sắc, được Đảng và Nhà nước ta hết sức coi trọng và luôn đề cao trong hệ thống chính sách an

sinh xã hội. Quán triệt quan điểm chỉ đạo này, Luật BHYT đã ra đời và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2009, là cơ sở pháp lý quan trọng để BHYT phát triển trong thời gian tới, thay thế cho những quy định mang tính tạm thời trước đây rất ảnh hưởng đến việc an sinh trong xã hội. Bên cạnh đó, Quốc hội đã ban hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh dân số năm 2002 làm quy chuẩn điều chỉnh chung các quan hệ giữa gia đình và xã hội, đồng thời, ổn định mật độ dân số, phát triển dân số đồng bộ, cân bằng giới tính giữa thành thị với nông thôn giữa miền núi với đồng bằng vùng sâu vùng xa, các dân tộc thiểu số.

Chính sách thuế của Việt Nam trong thời gian qua đã được cải cách định hướng thị trường và được điều chỉnh cho phù hợp với các nguyên tắc và quy định của WTO và thông lệ quốc tế. Các cải cách hệ thống thuế tập trung vào việc hợp lý hoá cơ cấu thuế suất, không phân biệt đối xử, mở rộng cơ sở tính thuế, cải cách quản lý hành chính về thuế và áp dụng thuế VAT để thay thế thuế doanh thu² Các loại thuế khác được áp dụng và sửa đổi bao gồm: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Ngoài ra, Chính phủ còn thu một số khoản khác như tiền thuê đất, mặt nước, thuế sát sinh (đã được xoá bỏ năm 1999), thuế môn bài, lệ phí đăng ký tài sản trước bạ,...

Về các vấn đề xã hội, Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp ngày 3 tháng 6 năm 2008 quy định giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho cơ

² Luật về Thuế giá trị gia tăng (VAT) quy định 4 mức thuế suất (0, 5, 10 và 20 %). Tuy nhiên, Luật VAT sửa đổi áp dụng từ 1/1/2004 đã bãi bỏ thuế suất VAT mức 20%.

sở kinh doanh sử dụng nhiều lao động, lao động là người dân tộc thiểu số, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số. Điều này thể hiện rõ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong việc thể chế hóa đường lối chủ trương chính sách cho việc đảm bảo công bằng xã hội, phát triển bền vững. Năm 2007, Luật Thuế thu nhập cá nhân mới được ban hành thay thế Pháp lệnh về Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, đã quy định một hệ thống thuế chung, mở rộng phạm vi áp dụng của thuế thu nhập cá nhân và sẽ làm rõ hơn khái niệm về người cư trú và phi cư trú phù hợp với các quy định quốc tế, với mục đích khuyến khích đối tượng nộp thuế trên cơ sở phù hợp với các quy tắc và thông lệ quốc tế.

Phòng chống tệ nạn xã hội, năm 2008 Quốc hội đã ban hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng Chống Ma túy, Luật này tập trung vào các quy định sau cai nghiện để những người nhiễm nghiện ma túy trở về hòa nhập cộng đồng, không phân biệt đối xử kỳ thị với những người có sử dụng ma túy. Việt Nam cũng đã ban hành các quy định về đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự, kỷ cương xã hội, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là nạn mại dâm, ngăn chặn, tiến tới đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS, xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh. Những điều này được thể hiện cụ thể ở Bộ Luật Hình sự năm 1999, Pháp lệnh phòng chống mại dâm ngày 17 tháng 03 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định 50/2007/QĐ-TTg kiện toàn ủy ban quốc gia phòng chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm; Quyết định 155/2007/QĐ-TTg ban hành quy chế phối hợp liên ngành phòng chống tệ nạn mại dâm; Thông tư 11/2006/TTLT-BYT-BTC hướng dẫn việc khám sức khỏe định kỳ hàng quý cho người

sử dụng lao động tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ bị lợi dụng để hoạt động mại dâm; Nghị định 43/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2005 quy định việc đưa người nghiện ma túy, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tại cơ sở chữa bệnh; Thông tư liên tịch số 31/2005/TTLT-BCA-BLĐTBXH, ngày 25 tháng 10 năm 2005 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 43/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2005 quy định việc đưa người nghiện ma túy, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tại cơ sở chữa bệnh.

Như vậy, trong những năm qua, khung pháp luật kinh tế đã được Quốc hội và các cấp ban hành đã làm tiền đề cho việc quản lý điều hành đất nước. Rõ ràng, hệ thống pháp luật về kinh tế có vai trò quan trọng trong việc tạo ra những nền tảng pháp lý cần thiết nhằm thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững trong lĩnh vực kinh tế.

3. Một số thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình đổi mới ở Việt Nam

Nhìn chung, trong hơn hai thập niên đổi mới kinh tế, Việt Nam đã đạt được thành tựu quan trọng sau đây:

Nền kinh tế vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế vĩ mô về cơ bản ổn định, duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên, mức Việt Nam ta đã cơ bản thoát ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Về tốc độ tăng trưởng, trong những năm khởi đầu công cuộc đổi mới (1986-1991) tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng tương đối chậm. Thời kỳ 1992-1997 tốc độ tăng trưởng, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng bình quân 8,75%/năm. Thời kỳ 2000-2005 tăng 7,55%/năm. Trong giai đoạn 2006-2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7%. Quy mô tổng sản phẩm trong nước

(GDP) năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỷ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000. Mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng chiếm 15,9% GDP, đây là một con số tương đối cao. Trong 5 năm 2006 – 2010, tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp 2,5 lần so với giai đoạn 2001 – 2005, đạt 42,9% GDP; tổng vốn FDI thực hiện đạt gần 45 tỷ USD, vượt 77,8% so với kế hoạch đề ra. Tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm ước đạt 146,8 tỷ USD, gấp 2,7 lần kế hoạch đề ra và gấp hơn 7 lần so với giai đoạn 2001 – 2005.

Từ một quốc gia bị phong toả, cấm vận, kém phát triển, sau hơn 20 năm đổi mới, Việt Nam đã vươn mạnh ra thế giới và đạt được không ít thành tựu đáng ghi nhận. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với gần 170 nước và vùng lãnh thổ; mở rộng quan hệ kinh tế thương mại với 221 quốc gia và vùng lãnh thổ. Ngoài ra, Việt Nam còn là thành viên chính thức có trách nhiệm của nhiều tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực. Do tốc độ tăng GDP cao nên GDP/người/năm cũng tăng lên đáng kể, từ 289 USD (năm 1995) lên 1.024 USD (năm 2008), đến năm 2010 đạt được 1.168 USD, vươn lên nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp. Phúc lợi xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của người dân cũng được cải thiện rõ rệt. Có được những thành tựu đó có phần quan trọng là nhờ Việt Nam đã xây dựng được một hành lang pháp lý thông thoáng để xúc tiến các hoạt động kinh doanh trong nước, tạo lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế và khu vực doanh nghiệp.

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa và các lĩnh vực xã hội có tiến bộ, bảo vệ tài nguyên môi trường được chú trọng hơn, đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện.

Trong những năm qua, đổi mới giáo dục đạt một số kết quả bước đầu, việc chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, đào tạo đạt thường trên 20% tổng chi ngân sách. Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển, đến năm 2010 hầu hết tất cả các tỉnh thành trong cả nước đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Việc xóa mù chữ đã được Chính phủ quan tâm giải quyết triệt để qua từng thời kỳ phát triển. Hiện Việt Nam là một nước đứng thứ 82 trong danh sách 175 nước với tỷ lệ người biết đọc, biết viết là 90,2%. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia bậc mầm non và các cấp học phổ thông tăng nhanh, tỷ lệ học sinh bỏ học ở hầu hết các vùng đều giảm.

Công cuộc giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện chính sách với người và gia đình có công, chính sách an sinh xã hội của Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể. Nhà nước sử dụng các biện pháp kinh tế - tài chính để thực hiện xóa đói giảm nghèo bằng cách tăng nguồn vốn xóa đói, giảm nghèo, mở rộng các hình thức trợ giúp người nghèo để sản xuất, kinh doanh. Theo đánh giá của Liên hiệp quốc, Việt Nam về đích trước 10 năm với mục tiêu xóa đói giảm nghèo trong thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ. Cụ thể các con số như, tốc độ tăng trưởng GDP trong nông nghiệp đạt hơn 4%/năm; 75% số hộ được dùng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% số xã có đường giao thông đến trung tâm xã; trên 95% số hộ sử dụng điện; tỷ lệ đói nghèo giảm còn 10-11%. Trong 5 năm, đã giải quyết được việc làm cho 8 triệu lao động, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm còn dưới 4,5%, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 9,5%. Chỉ số phát triển con người không ngừng tăng, thuộc nhóm trung bình cao.

Vấn đề tuổi thọ, theo báo cáo của Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, cùng với mức sinh và chết giảm, tuổi thọ bình quân của người Việt Nam cũng tăng

lên đáng kể. Sau 10 năm, kể từ Tổng điều tra năm 1999, tuổi thọ của người Việt Nam đã đạt 72,8 tuổi đối với nam, tăng 3,7 tuổi và 75,6 tuổi đối với nữ, tăng 5,5 tuổi. Điều này khẳng định những thành công ban đầu của các chương trình chăm sóc sức khỏe và phát triển xã hội của Việt Nam. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới đã được quan tâm hơn, nhiều mặt đạt được kết quả tích cực. Một số bệnh dịch mới, nguy hiểm đã được khống chế và đẩy lùi. Hệ thống cơ sở y tế tiếp tục được củng cố và phát triển. Việc thực hiện các đề án xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống các bệnh viện, luân chuyển cán bộ y tế và đẩy mạnh xã hội hóa đã góp phần nâng cao năng lực và chất lượng khám chữa bệnh, nhất là ở tuyến tỉnh và tuyến huyện. Có khoảng 80% số xã đạt chuẩn y tế (năm 2009 là 65,36%). Nhiều kỹ thuật khám, chữa bệnh bằng công nghệ cao được nghiên cứu, ứng dụng thành công ở nhiều bệnh viện. Đã hình thành mạng lưới kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm quốc gia.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, thể dục, thể thao ngày càng mở rộng, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” từng bước đi vào chiều sâu, cả nước có 93,7% tỷ lệ các làng xã có nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng. Thông tin báo chí đã góp phần quan trọng vào việc phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; kịp thời phản ánh ý kiến nhân dân về các vấn đề của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước. Các hoạt động sáng tạo văn học nghệ thuật có bước phát triển mới, làm tăng tính đa dạng của sản phẩm văn hoá, góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của nhân dân. Nhận thức về bảo vệ môi trường của người dân được nâng lên rõ

rệt thông qua hệ thống tuyên truyền phổ biến pháp luật của các cơ sở phường, xã, tổ dân phố... do đó, việc phòng ngừa, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường được quan tâm và đạt một số kết quả tích cực. Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa được quan tâm thực hiện.

4. Một số thách thức đối với phát triển kinh tế bền vững và đổi mới pháp luật về kinh tế Việt Nam

Như vậy, những thành tựu đã đạt được trong những năm đổi mới vừa qua là rất to lớn. Tuy vậy, để tiếp tục phát triển bền vững, công cuộc đổi mới kinh tế nói chung và khung pháp lý về kinh tế nói riêng vẫn còn không ít bất cập và thách thức cần xử lý trong thời gian tới.

Một là, Việt Nam khó duy trì phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế do chất lượng tăng trưởng, hiệu quả sức cạnh tranh còn thấp. Cho đến nay, tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào tăng đầu tư, khai thác tài nguyên; trong khi đó, công nghiệp chế biến phát triển còn chậm, với năng suất lao động còn thấp so với các nước trong khu vực.

Hai là, những yếu tố bảo đảm nền kinh tế thị trường và quản lý nhà nước hiện đại chưa được chú ý đúng mức. Một số tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp nhà nước tuy được ưu đãi song kinh doanh còn thua lỗ. Chất lượng xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển một số ngành, nghề lĩnh vực nhất là quy hoạch đất đai, tài nguyên khoáng sản còn yếu kém dẫn đến tình trạng làm ô nhiễm, hủy hoại môi trường khá trầm trọng.

Ba là, quản lý thị trường nhất là thị trường bất động sản, thị trường tài chính còn nhiều lung túng, bất cập, thiếu sự chặt chẽ dẫn đến tình trạng đầu cơ, làm giàu bất chính cho một số bộ phận trong xã hội.

Bốn là, các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, xã hội, môi trường còn nhiều yếu kém gây bức xúc trong xã hội. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng số lượng, quy mô với nâng cao chất lượng giảng dạy. Xu hướng thương mại hóa và sa sút đạo đức trong giáo dục đào tạo còn chậm, hiệu quả thấp, đang trở thành nỗi bức xúc lớn của xã hội.

Năm là, tình trạng thiếu việc làm còn cao; chính sách tiền lương thu nhập chưa động viên được cán bộ công chức người lao động gắn bó với công việc, chưa thực sự khuyến khích thu hút và giữ người tài; chính sách phân phối còn nhiều bất cập. Khoảng cách giàu và nghèo quá lớn và ngày càng doãng ra; chất lượng công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe người dân còn thấp.

Sáu là, văn hóa phát triển không tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Quản lý văn hóa, văn nghệ, báo chí xuất bản còn thiếu chặt chẽ. Môi trường văn hóa bị xâm hại, lai căng, thiếu lành mạnh. Các tệ nạn xã hội, tội phạm và sự xâm phạm của các sản phẩm và dịch vụ độc hại làm suy đồi đạo đức, nhất là trong giới trẻ thuộc tầng lớp thanh - thiếu niên.

Bảy là, một số văn bản luật do Quốc hội ban hành không bảo đảm chất lượng, còn chồng chéo các luật chuyên ngành khác, do vậy, chúng khó đi vào thực tiễn cuộc sống. Đặc biệt, việc xây dựng pháp luật và chính sách bảo vệ môi trường của cấp có thẩm quyền còn khá chậm chạp, bên cạnh đó, việc tổ chức thực hiện của cơ quan hành pháp là Chính phủ ở Trung ương, Ủy ban Nhân dân các cấp ở địa phương chưa nghiêm, với hiệu lực, hiệu quả còn thấp.

Tóm lại, trong tiến trình hội nhập của nước ta hiện nay, hệ thống pháp luật về kinh tế đã đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra những nền tảng pháp lý cần thiết nhằm

thúc đẩy sự phát triển nhanh và bền vững trong lĩnh vực kinh tế. Không chỉ thực hiện những hoạt động đổi mới mang tính trọng tâm trong hệ thống pháp luật kinh tế như đề cập đến ở trên, Chính phủ đã chú ý đến việc đổi mới hạ tầng cơ sở, trong đó chú trọng việc ban hành các quy định quản lý nhà nước có liên quan đến việc nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, mở rộng mạng lưới an sinh xã hội và đảm bảo sự phát triển bền vững trong lĩnh vực môi trường. Những văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, đã góp phần tạo dựng dần sự bình đẳng, giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội, đồng thời, góp phần giáo dục, nâng cao ý thức tự chịu trách nhiệm trước cộng đồng và xã hội đối với những hành vi làm ảnh hưởng đến sự an toàn môi trường của các tổ chức, cá nhân. Ở góc độ quản lý nhà nước, các cơ quan quản lý chuyên ngành cũng đã đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân trong việc đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực tới môi trường sinh thái trong quá trình thực hiện hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh. Tuy vậy, việc đổi mới khung pháp lý về kinh tế vẫn cần được đổi mới, tăng cường hơn nữa, đòi hỏi nhiều nỗ lực và ý chí chính trị của các cấp, bộ ngành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Báo cáo tổng kết kinh tế xã hội của Chính phủ năm 2009, 2010.
- Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2001.
- Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;
- Luật Đấu thầu (thay thế Pháp lệnh Đấu thầu).
- Luật Đầu tư năm 2005;
- Luật Doanh nghiệp năm 2005;

- Luật Ký kết, Gia nhập và Thực hiện các điều ước quốc tế.
- Luật Thực hành tiết kiệm và Chống lãng phí.
- Luật về Thuế giá trị gia tăng;
- Nghị định 11/2002/NĐ-CP ngày 22/1/2002 của Chính phủ về việc quản lý các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các loài động vật, thực vật hoang dã.
- Pháp lệnh 12/2003/PL-UBTVQH11 về vệ sinh, an toàn thực phẩm (ban hành ngày 26/7/2003), có hiệu lực từ ngày 1/11/2003.
- Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25/07/2001.
- Pháp lệnh về Bảo vệ và Kiểm dịch Thực vật (ban hành ngày 15/2/1993 và được sửa đổi ngày 25/7/2002).
- Quyết định số 252/2003/QĐ-TTg (ban hành ngày 24/11/2003) của Thủ tướng Chính phủ về quản lý hàng hoá qua biên giới.
- Thông tư 123/2003/TT-BNN ngày 14/11/2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 11/2002/NĐ-CP, của Chính phủ về việc quản lý các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh các loài động vật, thực vật hoang dã.
- Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, X, XI, NXB Chính trị Quốc gia.